TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG PHÚ
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2017/HNGĐ-ST.
Ngày: 19–7– 2017.
V/v Tranh chấp ly hôn và quyền nuôi con chung khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Hà
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Lâm Việt Bắc.
2. Ông Trần Thị Thanh Nhanh

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Buốl– Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Bích-Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2017/TLST–HNGĐ, ngày 01/03/2017, về "*Tranh chấp ly hôn và quyền nuôi con chung khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2017/QĐXX-ST, ngày 13/6/2017, giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc T.
Nơi cư trú: Ấp C, thị trấn L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.
-*Bị đơn:* Ông Đoàn Văn U.
Nơi cư trú: Ấp 3, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 20 tháng 02 năm 2017 và các tài liệu khác có trong hồ sơ, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T (bà T) trình bày: Năm 2004 bà T với ông Đoàn Văn U (ông U) kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng, kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn bà T với ông U sống hạnh

phúc, đến tháng 9 năm 2016 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống. Ông, bà sống ly thân với nhau từ tháng 10 năm 2016 đến nay. Trong quá trình chung sống bà T với ông U có hai con chung tên Đoàn Thị Bảo K, sinh ngày 31/10/2005 và Đoàn Quốc T, sinh ngày 17/11/2011 hiện nay đang sinh sống với bà T. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Nay bà T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng giải quyết:

-Về quan hệ hôn nhân: Bà T được ly hôn với ông U.

-Về con chung: Bà T yêu cầu được nuôi hai con tên Đoàn Thị Bảo K và Đoàn Quốc T không yêu cầu ông Đoàn Văn U cấp dưỡng nuôi con.

-Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Mặc dù Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông Đoàn Văn U (ông U) hợp lệ, nhiều lần nhưng tại phiên tòa hôm nay, ông U vẫn vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa hôm nay, Bà Nguyễn Thị Ngọc T không yêu cầu hoãn phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn do đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, từ những ý kiến, yêu cầu trên. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt ông Đoàn Văn U.

Xét yêu cầu khởi kiện giải quyết ly hôn của bà Nguyễn Thị Ngọc Tuyền đối với ông Đoàn Văn U:

[2] Từ Sau khi thụ lý, trong quá trình chuẩn bị xét xử Tòa án đã nhiều lần tống đạt trực tiếp các văn bản tố tụng như, thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và quyết định định đưa vụ án ra xét xử cho ông U, nhưng ông U không trả lời thông báo thụ lý, không có mặt theo giấy triệu tập để cung cấp lời khai, cũng như không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, do đó Tòa án căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Theo đơn khởi kiện ngày 20/02/2017 và tờ tường trình ngày 14/6/2017 (Bút lục số: 01, 31), bà Nguyễn Thị Ngọc T trình

bày do ông U dùng chất ma túy thường hay gây gỗ, chửi mắng bà, bà T đã bỏ qua nhiều lần nhưng ông U không sửa chữa từ đó nãy sinh nhiều bất đồng, mâu thuẫn trong cuộc sống khiến cho cuộc sống chung của họ không hạnh phúc, ông U và bà T đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2016 cho đến nay. Từ những chứng cứ trên cho thấy trong quá trình chung sống với nhau bà T và ông U phát sinh nhiều mâu thuẫn kéo dài và ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng khó có thể hàn gắn được tại phiên tòa hôm nay bà T cũng khẳng định cuộc sống chung của ông bà không có hạnh phúc, tình cảm không còn, ông, bà đã ly thân từ tháng 10 năm 2016 cho đến nay. Từ thực trạng đó cho thấy tình cảm vợ chồng giữa ông U và bà T ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ vào Điều 85, Điều 91, khoản 1 Điều 89 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Ngọc T.

[4] Về con chung: Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi các con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét điều kiện, hoàn cảnh thực tế bà T đã không còn chung sống với ông U gần một năm nay, trong khoảng thời gian này con chung của ông, bà sống với bà T, cuộc sống của các cháu đã ổn định về mọi mặt, việc thay đổi điều kiện, hoàn cảnh sống sẽ làm ảnh hưởng đến tâm lý, tình cảm, sự phát triển bình thường về mọi mặt của các cháu. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao các con chung cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là cần thiết và hợp lý. Đối với ý kiến của bà T về việc không yêu cầu ông U cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, mặc dù bà T có công việc làm và có thu nhập, nhưng mức thu nhập không cao phải trang trải chi tiêu cho 04 người trong gia đình, hơn nữa hiện nay bà đang mang thai sẽ phát sinh nhiều khoản chi phí trong cuộc sống, tại phiên tòa sơ thẩm bà T không chứng minh được điều kiện kinh tế của bà hiện nay có thể đảm bảo cho các con của bà và ông U có cuộc sống đầy đủ, bình thường về vật chất. Do đó, để đảm bảo quyền và lợi ích của con chung, cần buộc ông U có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác định bà và ông U không có thiếu nợ ai, tài sản chung ông bà tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[6] Về quyền kháng cáo bản án: căn cứ vào các Điều 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay, vị đại diên Viện Kiểm Sát phát biểu ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử tiến hành nghị án, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục tố tụng. Đối với những người tham gia tố tụng thì trước và tại phiên tòa hôm nay bị đơn không chấp hành đúng quy

định của Bộ luật tố tụng dân sự, không tham gia tố tụng theo triệu tập của tòa án. Tại phiên tòa sơ thâm Hội đồng xét xử, thư ký thực hiện đúng trình tự thủ tục tại phiên tòa. Về nội dung, Vị đại diện Viện kiểm sát nêu quan điểm chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn;

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

***** Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 85, Điều 91, khoản 1 Điều 89 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án; Điều 26 Luật thi hành án dân sự.

***** Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc T được ly hôn với ông Đoàn Văn U.

2. Về quyền nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng các con chung là các cháu Đoàn Thị Bảo K, sinh ngày 31 tháng 10 năm 2005 và cháu Đoàn Quốc T, sinh ngày 17 tháng 11 năm 2011. Ông Đoàn Văn U có nghĩa vụ cấp dưỡng cho các con chung mỗi cháu, mỗi tháng là 650.000 đồng (Sáu trăm năm chục nghìn đồng) cho đến khi các cháu thành niên. Ông Đoàn Văn U có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc T xác định không có thiếu nợ ai, tự thỏa thuận với nhau về tài sản chung không yêu cầu nên tòa án không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006701 ngày 01 tháng 3 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng. Ông Đoàn Văn U phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

5. Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Đối với các đương sự vắng mặt tại phiên tòa hôm nay thì thời gian kháng cáo được tính từ ngày tống đạt bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Long Phú.*
- *Các đương sự.*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*
-*UBND thị trấn Long phú, huyện Long Phú.*
- *TAND tỉnh Sóc Trăng*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trung Hà